PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Tịnh Không Pháp Sư chủ giảng
Tại Cư Sĩ Lâm Singapore
Tháng 11 năm 1994
Chuyển ngữ: Cư sĩ Thanh Trí
Biên soạn: Gia đình cư sĩ Diệu Âm Diệu Bảo
Biên tập: Cư sĩ Thiện Đức

TẬP 11

Xin xem tiếp đoạn thứ mười một:

❖ Nguyện thứ mười chín: **Nghe danh phát tâm.**

❖ Nguyện thứ hai mươi: **Lâm chung tiếp dẫn.**

"***Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn ngã danh hiệu, phát Bồ-đề tâm, tu chư công đức, phụng hành lục Ba-la-mật, kiên cố bất thoái. Phục dĩ thiện căn hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc, nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoạn. Lâm thọ chung thời, ngã dữ chư Bồ-tát chúng, nghênh hiện kỳ tiền, kinh tu du gian, tức sanh ngã sát, tác A-duy-việt-trí Bồ-tát. Bất đắc thị nguyện, bất thủ Chánh Giác***".

(Khi con thành Phật, chúng sanh khắp mười phương nghe danh hiệu con, phát tâm Bồ-đề, tu các công đức, hành sáu Ba-la-mật kiên cố không lùi. Lại đem các căn lành hồi hướng nguyện sanh về cõi nước con, nhất tâm niệm con ngày đêm không dứt. Đến khi mạng chung, con cùng các chúng Bồ-tát hiện đến trước mặt tiếp đón, khoảnh khắc liền sanh về cõi con, thành bậc A-duy-việt-trí Bồ-tát. Nếu không được như nguyện, thề không thành Chánh Giác).

Cổ Đức vô cùng coi trọng nguyện thứ mười chín này, bởi vì trong phẩm Ba Bậc Vãng Sanh, Thế Tôn nói với chúng ta, cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, điều kiện tối cần thiết mà ba bậc thượng trung hạ phải có đầy đủ là "*phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*". Nguyện thứ mười tám là mười nguyện ắt sanh, chính là "*nhất hướng chuyên niệm*". Còn niệm này là "*phát Bồ-đề tâm*", có thể thấy hai nguyện này vô cùng quan trọng, chúng ta nhất định phải nhận thức nguyện này cho rõ ràng. Đó tức là phát tâm, "Bồ-đề" là tiếng Phạn, dịch thành tiếng Trung Quốc nghĩa là "giác ngộ", là sự giác ngộ chân thật. Thế Tôn trong

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói với chúng ta về ba tâm: chí thành tâm (chữ "chí thành" này là chân thành đến chỗ cùng cực), thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm tức là Bồ-đề tâm, cùng với Ngài Mã Minh Bồ-tát trong Khởi Tín Luận nói "trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm" là giống nhau. Cổ Đức giảng giải ba thứ tâm này rất nhiều. Thật sự mà nói, chúng ta rất khó lĩnh hội, không như Ngài Ngẫu Ích Đại Sư trong Di-đà Kinh Yếu Giải đã nói với chúng ta vừa rõ ràng, lại dễ hiểu. Ngài nói với chúng ta: "Tâm thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ chính là vô thượng Bồ-đề tâm", cách nói này chúng ta dễ hiểu. Nói cách khác, hễ chúng ta một lòng một dạ mơ ước hâm mộ Tịnh Độ, cầu sanh Tịnh Độ thì tâm này là vô thượng Bồ-đề tâm. Trước Ngài Ngẫu Ích Đại Sư chưa có ai nói qua cách nói này. Đây là lối khai sáng đầu tiên của Ngài. Nhưng chúng ta càng nghĩ càng thấy có đạo lý, quả thật phù hợp với bổn nguyện độ sanh của Như Lai, quả thật đây chính là "vô thượng Bồ-đề tâm".

Trong những kinh Đại Thừa thường nói Bồ-đề tâm nhất định bao gồm Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Cho nên có thể nói Tứ Hoằng Thệ Nguyện là sự tu học cụ thể của Bồ-đề tâm, điều này vô cùng quan trọng. Cũng tức là nói, Bồ-đề tâm thực hiện trên việc tu hành tức là Tứ Hoằng Thệ Nguyện: thứ nhất phải phát đại nguyện độ chúng sanh thành Phật đạo, sau khi tâm nguyện này sanh khởi thì có một khối sức mạnh không thể nghĩ bàn thúc đẩy bạn tinh tấn không giải đãi. Chúng ta học Phật vì sao thoái chuyển? Bởi vì học Phật rồi là muốn chính mình thành tựu, nếu sớm một ngày thành tựu thì rất tốt, trễ một ngày cũng không sao, bởi thế nên giải đãi. Giả sử bạn phát tâm là muốn cứu độ tất cả chúng sanh, cái sứ mạng này là trọng yếu, "tôi thành Phật trễ một ngày thì chúng sanh thọ khổ thêm một ngày, tôi thành Phật sớm một ngày thì họ sẽ thọ khổ ít đi một ngày", cái sức mạnh này thì lớn. Không thể giải đãi, không thể để chúng sanh vì ta mà phải chịu thêm một ngày khổ nạn, sức mạnh này đang thúc đẩy. Cho nên họ có thể hết lòng đoạn phiền não, học Pháp môn, thành Phật đạo, quay lại độ vô lượng vô biên chúng sanh thì nguyện này mới có thể đạt được viên mãn. Như vậy thì chúng ta đã hiểu rõ tại sao Bồ-tát tu hành mà không mỏi mệt nhàm chán, họ tinh tấn như vậy chính là đạo lý này.

"*Tu chư công đức*", đây là nói sau khi phát tâm, tu các đại hạnh. "*Phụng hành lục Ba-la-mật*", đây là cương lĩnh tu hành của Bồ-tát. Tu "bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát-nhã", phía trước đã nói qua những điều này. "*Kiên cố bất thoái*", họ vì sao có thể kiên cố bất thoái? Vì có Bồ-đề tâm.

"*Phục dĩ thiện căn hồi hướng*", họ tu tập tất cả thiện căn đều hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ. "*Nguyện sanh ngã quốc, nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoạn*", chỗ này cần phải rõ ràng, nhất tâm niệm Phật không thể gián đoạn. Niệm Phật không phải niệm trên miệng mà là trong tâm thật có, trong tâm chúng ta đích thật có A-di-đà Phật, không những có A-di-đà Phật mà một niệm duy nhất chính là A-di-đà Phật. Nói cách khác, trong tâm ngoài A-di-đà Phật ra, không có hai niệm. Đây gọi là nhất tâm chuyên niệm. Niệm A-di-đà Phật thì phải học A-di-đà Phật, phải noi theo A-di-đà Phật, tâm A-di-đà Phật là tâm gì? A-di-đà Phật có những tâm nguyện gì? A-di-đà Phật trong sinh hoạt hằng ngày sống như thế nào? Những chỗ này chúng ta đều phải học tập tất cả. **A-di-đà Phật trong sinh hoạt hằng ngày, tận tâm tận lực giúp đỡ tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, giúp đỡ tất cả chúng sanh tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ. Vậy chúng ta cũng xem sự việc này như đại sự trong đời của chúng ta.** Pháp môn niệm Phật này hay vô cùng, thù thắng vô cùng. Tuyệt đối không làm trở ngại pháp thế gian. Bạn ở trong gia đình, niệm Phật không làm trở ngại công việc của bạn. Nếu bạn buôn bán, ở trong ngành nghề, bạn có thể khuyên từ lãnh đạo đến công nhân niệm A-di-đà Phật. Quả thật đã niệm A-di-đà Phật rồi thì công việc của bạn có thể làm được càng thoải mái, càng vui thích, càng viên mãn, không cảm thấy mệt nhọc, không cảm thấy nhàm chán, đây đều là sự thật. Cái hay và lợi ích của việc niệm Phật thật rất nhiều, không hề làm trở ngại công việc, đối với công việc chỉ có lợi ích chứ không có hại. Phàm phu nếu muốn minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, phương pháp nhất tâm chuyên niệm cầu sanh Tịnh Độ thật sự mà nói là con đường vững vàng, yên ổn nhất.

Phật ở chỗ này dạy chúng ta "*nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoạn*", điều này quý vị biết được trong tâm có, không phải là trong miệng xưng niệm. Đây là "nhân", phát Bồ-đề tâm là nhân chân thật của sự niệm Phật, phần sau đây là nói về "quả đức". "*Lâm thọ chung thời*", thọ mạng của con người trong đời này là có nhất định. Quả báo đời này là do tu nhân ở kiếp trước, khi quả báo của chúng ta báo hết rồi, không còn luân hồi nữa thì lúc đó A-di-đà Phật đến tiếp dẫn chúng ta. Có người thọ mạng được kéo dài, tại thế gian này thọ mạng dài có tốt không? Thật sự mà nói, sống thêm một ngày là thọ tội thêm một ngày, sớm một ngày vãng sanh thì sẽ gặp Phật sớm hơn một ngày, chứng quả sớm được một ngày. Cho nên tôi nghĩ rằng, những người thật sự giác ngộ nhất định không cầu sống lâu. Tuy nhiên nếu thọ mạng kéo dài là vì họ có nhân duyên, nhân duyên đó là

gì? Trong Phật pháp thường nói: "*Phật không độ người vô duyên*", người này có duyên với Phật.

Thế gian này vẫn còn nhiều chúng sanh có duyên với bạn, họ có thể nghe theo lời bạn khuyên, kẻ khác khuyên họ họ không nghe. Người có duyên nhiều như vậy, cơ duyên được độ của họ đến lúc này đã chín muồi. Vậy thọ mạng của bạn đến rồi, bạn cũng không được đi, vẫn phải sống thêm vài năm để giúp đỡ họ, điều này là nên như vậy. Cho nên người niệm Phật chúng ta nếu thọ mạng được kéo dài thì nhất định là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, giúp đỡ thêm nhiều người niệm Phật vãng sanh. Nếu không phải là lý do này, thì thật sự không có lý do để sống thêm một ngày tại thế gian này.

Vào lúc lâm chung, "*ngã dữ chư Bồ-tát chúng nghênh hiện kỳ tiền*". Khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn bạn, vào lúc này xem công phu niệm Phật của bạn, xem duyên phần của bạn. Nếu công phu của bạn tốt, duyên lại thù thắng, thì sẽ có rất nhiều người cùng A-di-đà Phật đến tiếp dẫn. Nếu công phu niệm Phật của bạn cạn, lúc bình thường không muốn kết pháp duyên với người, vậy khi A-di-đà Phật đến tiếp dẫn, những người cùng đi sẽ không nhiều, điều này chúng ta phải hiểu rõ, phải tranh thủ. Lúc bình thường chúng ta một lòng xưng niệm, rộng kết Phật duyên, nói cách khác tức là rộng kết pháp duyên. Khi sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, những người hoan nghênh sẽ rất nhiều. Trong số những người cùng đến với Phật có rất nhiều người là người thân trong gia đình, bạn bè đồng tham trong đời quá khứ. Họ sớm đã vãng sanh rồi, nay nghe được A-di-đà Phật đến tiếp dẫn bạn, họ cùng nhau theo Phật đến hoan nghênh, tiếp dẫn bạn. Vừa gặp nhau thì túc mạng thông của bạn liền hiện tiền (phía trước chúng ta đã biết được oai thần bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì), bạn đều nhận ra tất cả những người này, trong đời nào, trong kiếp nào họ có quan hệ gì với ta, bạn đều nhận ra tất cả. Cho nên bạn nhất định phải biết, duy chỉ có ở lục đạo luân hồi là rất cô độc. Con người một khi chết, một khi luân hồi thì người thân trong gia đình liền chia ly ngay, muốn gặp lại nhau thì vô cùng khó khăn, hoàn toàn là cảnh giới xa lạ. Chỉ có đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì người thân bạn tốt rất nhiều, đều là người quen, một chút cũng không xa lạ, điều này là sự thật, muôn ngàn lần chính xác.

"*Kinh tu du gian tức sanh ngã sát*", đây là nói thời gian vãng sanh vô cùng nhanh chóng. Tuy thế giới Ta-bà cách xa thế giới Tây Phương Cực Lạc là mười vạn ức cõi nước Phật nhưng chỉ một niệm thì đến ngay, tốc độ rất nhanh. Sau khi đến nơi đó, câu Kinh văn tiếp theo vô cùng quan trọng, "*tác A-duy-việt-trí Bồ-*

tát", trong Kinh Di-đà gọi là A-bệ-bạt-trí. *A-duy-việt-trí Bồ-tát* là tiếng Phạn, nghĩa là *Bồ-tát bất thoái chuyển, viên chứng Tam Bất Thoái*. Cho nên người xưa nói đây là tâm tánh cực chí của A-di-đà Phật. Công đức tâm tánh này lớn đến điểm cùng cực.

"*Trì danh chi kỳ huân*" (sự hun đúc kỳ diệu của pháp trì danh), công lao của phương pháp trì danh này không thể nghĩ bàn. Cũng là hoằng nguyện của A-di-đà Phật, khiến cho mỗi người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều có thể viên chứng Tam Bất Thoái. Thật sự mà nói, địa vị này là Bồ-tát Viên Giáo Thất Địa trở lên. Trong kinh Đại Thừa thường nói, ít nhất phải tu hành đầy đủ hai a-tăng-kỳ kiếp mới có thể chứng đắc Tam Bất Thoái. Như phàm phu chúng ta, vừa sanh đến đó thì được ngay, siêu vượt hai a-tăng-kỳ kiếp, điều này là không thể nghĩ bàn. Cho nên, nguyện này vô cùng quan trọng. Cổ Đức có nói: "Thập niệm tất sanh, văn danh phát tâm", hai nguyện này là tinh tủy trong bốn mươi tám nguyện của A-di-đà. Chúng ta có thể tin được lời này.

Xin xem tiếp đoạn thứ mười hai:

❖ Nguyện thứ hai mươi mốt: **Sám hối được vãng sanh.**

"***Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn ngã danh hiệu, hệ niệm ngã quốc, phát Bồ-đề tâm, kiên cố bất thoái, thực chúng đức bổn, chí tâm hồi hướng, dục sanh Cực Lạc, vô bất toại giả***".

(Khi con thành Phật, chúng sanh trong mười phương nghe danh hiệu con, một lòng chuyên niệm nước con, phát tâm Bồ-đề kiên cố không thối lui, trồng các công đức, hết lòng hồi hướng sanh về Cực Lạc, đều được toại ý).

Thập phương chúng sanh đương nhiên bao gồm chúng ta. Trong "*văn danh*" nhất định phải bao gồm "tín, giải". Chúng ta tin sâu, không nghi, hiểu rõ, chữ "*văn*" đã bao hàm ý nghĩa này. Còn "*hệ niệm*" tức là có nguyện, có hành, vô cùng mơ ước hâm mộ thế giới Cực Lạc, trong tâm luôn luôn nghĩ đến Phật, cái niệm này tức là *hệ niệm*. Chúng ta thường gọi là trong tâm luôn luôn mong nhớ. Trong tâm người thế gian việc bồn chồn lo lắng rất nhiều. Nghĩ kỹ lại thì những thứ họ hệ niệm toàn là lục đạo luân hồi, hệ niệm con cái, hệ niệm cha mẹ, hệ niệm người thân trong gia đình, hệ niệm tài sản, hệ niệm quyền lực địa vị…, toàn là lục đạo, không ra khỏi lục đạo luân hồi. Chúng ta ngày nay giác ngộ rồi, minh bạch rồi, chúng ta đổi thành hệ niệm A-di-đà Phật, buông xuống những thứ bồn chồn lo lắng của thế gian, nhất tâm hệ niệm A-di-đà Phật, vậy là chính xác.

"*Thực chúng đức bổn*", "*thực*" là trồng trọt, đây là tỉ dụ, nghĩa là trong tâm thật có. "*Đức bổn*" là gì? Là chỉ cho thánh hiệu Di-đà, trong tâm thật có sáu chữ hồng danh này. "*Chí tâm hồi hướng*", đây là tâm chân thành hồi hướng. "*Dục sanh Cực Lạc, vô bất toại giả*", nguyện này hiển thị chúng sanh mười phương nếu muốn cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì không khó, điều kiện rất dễ dàng. Quý vị nên biết điều kiện này không phải trong kinh thông thường, mà là bốn mươi tám nguyện, do A-di-đà Phật đưa ra, không phải chư Phật nói, đây là bổn nguyện của Phật. Cho nên từ chỗ này mà xem thì vãng sanh không khó.

"***Nhược hữu túc ác, văn ngã danh tự, tức tự hối quá, vi đạo tác thiện, tiện trì kinh giới, nguyện sanh ngã sát, mạng chung bất phục canh tam ác đạo, tức sanh ngã quốc. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Nếu có ác nghiệp đời trước, nghe danh hiệu con liền tự sám hối tội lỗi, tu đạo làm lành, lại trì kinh giữ giới, nguyện sanh về nước con, mạng chung không lạc vào ba đường ác nữa, liền sanh về nước con. Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

"*Nhược hữu túc ác*", đây là giả thuyết, thật sự mà nói, đây là thật, có người phàm phu nào mà không tạo tội nghiệp chứ. Chúng ta đều biết nghiệp chướng của mình rất nặng, tội chướng rất nặng nhưng không sợ. "*Văn ngã danh tự, tức tự hối quá*", đây chính là sám hối vãng sanh. "*Vi đạo tác thiện, tiện trì kinh giới, nguyện sanh ngã sát*" điều này rất quan trọng. Công đức sám hối rất lớn. Thật sự mà nói, toàn bộ Phật pháp, bất luận pháp môn nào, nếu luận về tu trì thì toàn là sám hối, đều tu pháp sám hối, công đức sám hối không thể nghĩ bàn. Pháp môn này là nói đới nghiệp vãng sanh, đới nghiệp vãng sanh thì phải chú trọng sám hối, dùng phương pháp gì? Niệm Phật, uy đức Phật hiệu không thể nghĩ bàn, có thể tiêu được tất cả tội chướng của chúng sanh. Tội chướng có nặng đến đâu, Phật hiệu đều có thể tiêu trừ. Từ Vân Quán Đảnh Pháp Sư nói: "Người thế gian tạo trọng tội, tất cả Kinh pháp, tất cả sám pháp đều trừ không nổi những trọng tội này, đến sau cùng niệm A-di-đà Phật thì có thể sám trừ". Điều này nói rõ công đức của Phật hiệu vượt qua pháp sám hối của tất cả kinh giáo. Thật sự mà nói, người biết được không nhiều, cảm thấy nghiệp chướng của mình nặng, không biết niệm Phật mà đi bái Lương Hoàng Sám, bái Thủy sám, bái Đại Bi Sám, lấy những thứ này để sám hối. Tội của chính mình quá nặng, cách này không hiệu quả, sám không nổi. Không biết pháp môn niệm A-di-đà Phật hay như vậy, pháp môn này quả là hữu hiệu, hễ bạn chí tâm sám hối thì không có nghiệp chướng nào mà không diệt trừ được. Đây nghĩa là nói: không cần chờ đến hết mê hoặc cũng có

thể vãng sanh, thật sự là công đức không thể nghĩ bàn! Cho nên phải biết sám hối, tự mình phải biết sám hối. Vậy sám hối có cần hình thức không? Không cần thiết.

Tôi trước kia học Phật, trước khi xuất gia, tôi theo học Chương Gia Đại Sư ba năm. Đại Sư vô cùng từ bi, dạy tôi pháp sám hối, sám hối vô cùng quan trọng. Sám hối cách nào? Về sau không làm nữa, điều này vô cùng quan trọng. Biết lỗi, sửa ngay, về sau không làm nữa. Đây là chân sám hối mà không phải là trên hình thức. Trên hình thức thì giống như hát tuồng vậy, là biểu diễn, làm cho những người chưa học Phật xem, là để khuyến dụ mọi người nên phải tu pháp sám hối, giúp người nhìn thấy pháp sám hối trang nghiêm như thế, long trọng như thế, khiến trong tâm họ khởi lên cảm động, là ý nghĩa này, tác dụng và lợi ích của nó là ở chỗ này. Chúng ta nếu muốn diệt tội, muốn tiêu tai thì tự mình dụng tâm sám hối, từ trong tâm địa mà sám hối, tức là chỗ này nói "*tức tự hối quá*", chú trọng ở chữ "tự".

"*Vi đạo*", chữ "*đạo*" này là nói đến định huệ, chúng ta chú trọng tu định, tu huệ. Định tức là tâm thanh tịnh, tâm không bị danh lợi ngũ dục lục trần của thế gian làm cho ô nhiễm. Còn huệ là đối với tất cả pháp đều có thể thông đạt hiểu rõ mà không bị mê hoặc. Đặc biệt trong thời đại hiện nay, trong Kinh Lăng-nghiêm nói: "*Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*". Đâu là chánh pháp, đâu là tà pháp, bạn phải có khả năng phân biệt thì mới không đến nỗi học sai pháp môn.

Còn "*tác thiện*" là tu phước, phía trước đã nói qua với quý vị, phước rất quan trọng, chúng ta không thể lơ là. Trong Tam Quy Y: Quy y Phật, nhị túc tôn, "nhị" là hai điều, "túc" nghĩa là viên mãn. Hai thứ viên mãn: một thứ là trí huệ viên mãn, một thứ là phước báo viên mãn. Phước báo viên mãn của Phật từ đâu đến? Do tu đấy, cho nên Phật dạy chúng ta phải tu phước, tu huệ. Không thể không có phước báo, không có phước báo thì không thể độ chúng sanh, bạn muốn độ chúng sanh nhất định phải có đại phước báo. Có phước không có huệ, không thể độ chúng sanh, có huệ không có phước cũng không thể độ chúng sanh, cho nên nhất định phải **phước huệ song tu** thì mới có thể giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Chúng ta nhất tâm xưng danh phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ đây là huệ. Chúng ta tu Tam Phước, tu Lục Hòa, tu Lục Độ là phước, trong phước có huệ, trong huệ có phước. Cho nên nhất định phải biết "*tác thiện*". Từ trong kinh chúng ta thấy A-di-đà Phật niệm niệm đều đang làm thiện, giáo hóa tất cả chúng sanh, giúp đỡ tất cả chúng sanh, đây là bố thí pháp. Xây dựng thế giới Tây Phương Cực Lạc để chúng ta đến bên ấy tu học là bố thí tài. Chúng ta đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là hưởng phước của A-di-đà Phật, Ngài ở bên đó đã xây

dựng hoàn tất và có sẵn rồi, chúng ta đến bên đó để hưởng thọ thế giới Cực Lạc mà Ngài đã tu thành trong năm kiếp. Cho nên Ngài thật sự là bố thí tài, bố thí pháp, bố thí vô úy, ba loại bố thí đều làm được viên mãn.

"*Tiện trì Kinh giới*", chỗ này nói chúng ta nhất định phải đọc tụng, phải khuyên kẻ khác. Điều sau cùng trong Tam phước là "đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả". Ngày nay chúng ta đọc tụng Đại Thừa phải nên từ Kinh Vô Lượng Thọ mà hạ thủ. Trước tiên học thuộc lòng Kinh Vô Lượng Thọ, đến khi thông đạt bộ Kinh này rồi, tự mình nắm chắc phần vãng sanh, nắm vững rồi mới có thể học qua các kinh Đại Thừa khác, không nắm chắc vãng sanh thì chúng ta không cần xem các kinh điển Đại Thừa khác nữa. Chúng ta một lòng một dạ chuyên cầu vãng sanh, khi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, gặp được A-di-đà Phật rồi, chúng ta mới thực hiện "pháp môn vô lượng thệ nguyện học". Gặp được A-di-đà Phật thì không sợ nữa, bảo đảm thọ mạng vô lượng, có đủ thì giờ, kinh giáo có nhiều hơn đi nữa, chúng ta có thể từ từ, yên tâm để học. Bây giờ thì không được, học nhiều thứ, học tạp e rằng việc vãng sanh sẽ có vấn đề, cho nên đây là một việc vô cùng khẩn yếu. Tôi thường hay khuyên các vị đồng tu, hai nguyện đầu của Tứ Hoằng Thệ Nguyện thì làm ngay bây giờ, còn hai nguyện sau: Học pháp môn, thành Phật đạo, đến thế giới Cực Lạc rồi mới làm.

"*Mạng chung bất phục canh tam ác đạo, tức sanh ngã quốc*", đây là những người nghiệp chướng rất nặng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Sau khi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, nguyện lực của bạn rất lớn, bạn muốn đến mười phương để hóa độ chúng sanh, giống như Quán Thế Âm Bồ-tát tùy loại ứng hóa, những nghiệp chướng cực trọng trong quá khứ vậy bạn còn bị thọ báo nữa chăng? Nhất định không bị đọa tam ác đạo nữa. Câu này là tông chỉ tối quan trọng của nguyện này, câu này là quan trọng nhất. Không phải giống như Đề-bà-đạt-đa, chúng ta trong kinh Phật thấy được Đề-bà-đạt-đa tạo tội ngũ nghịch, trước phải đọa địa ngục, tội ở địa ngục mãn rồi mới là có thể thoát ra. Chúng ta niệm Phật đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì không thể, tuyệt đối không thể như vậy.

Xin xem tiếp đoạn thứ mười ba:

❖ Nguyện thứ hai mươi hai: **Trong nước không có người nữ.**

❖ Nguyện thứ hai mươi ba: **Nhàm chán thân nữ, chuyển thân nam.**

"***Ngã tác Phật thời, quốc vô phụ nữ. Nhược hữu nữ nhân văn ngã danh tự, đắc thanh tịnh tín, phát Bồ-đề tâm, yếm hoạn nữ thân, nguyện sanh ngã quốc, mạng chung tức hóa nam tử, lai ngã sát độ***".

(Khi con thành Phật, nước con không có phụ nữ. Nếu có nữ nhân nào nghe danh hiệu con, thanh tịnh tin tưởng, phát tâm Bồ-đề, chán ghét nữ thân, nguyện sanh nước con, mạng chung liền hóa thân nam tử, sanh về nước con).

Thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng. Quý vị thử nghĩ, nếu có người nam, người nữ thì không bình đẳng rồi, vậy thì sẽ đánh nhau. A-di-đà Phật rất thông minh, có lẽ Ngài thấy nhiều thế giới có người nam, người nữ, ngày ngày đều cãi nhau đến bất an cho nên Ngài nghĩ thế giới Cực Lạc tất cả đều như nhau, toàn là người nam, không có người nữ. Tất cả người nữ vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là người nam, vả lại thân tướng đều như nhau, hoàn toàn giống với A-di-đà Phật. Chúng ta thấy được điều này từ trong bổn nguyện của Phật, thật sự là hy hữu đệ nhất. Mười phương thế giới của chư Phật không có việc này, nơi đây của Ngài thật sự đạt đến bình đẳng. Thiện Đạo Đại Sư nói đây là oai thần bổn nguyện của Di-đà, cho nên người nữ ở mười phương thế giới niệm Phật, lúc lâm chung vãng sanh tất cả đều là nam, thảy đều là thân tướng của Phật. Phật vừa đến tiếp dẫn, Phật quang vừa chiếu thì hóa thân liền hiện tiền, chúng ta xả bỏ nhục thân, tự mình có được hóa thân mới giống như Phật. Không phải đến thế giới Cực Lạc thì giống như một đứa trẻ dần dần lớn lên, đó là có sanh có diệt rồi. Còn thế giới Tây Phương Cực Lạc không có sanh diệt, hoàn toàn là hóa thân, thân tướng hiện ra giống như tướng trạng của A-di-đà Phật.

❖ Nguyện thứ hai mươi bốn: **Liên hoa hóa sanh.**

"***Thập phương thế giới chư chúng sanh loại, sanh ngã quốc giả, giai ư thất bảo trì liên hoa trung hóa sanh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Các loại chúng sanh ở thế giới mười phương, sanh về nước con đều hóa sanh trong hoa sen nơi ao thất bảo. Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

Tất cả quang cảnh của thế giới Tây Phương Cực Lạc là thường trụ, là bất sanh bất diệt, vĩnh viễn không có biến hoại. Không giống như thế gian này của chúng ta thay đổi trong từng sát-na, nó không thể thường trụ, tất cả vạn vật đều đang biến hóa, cho nên gọi là vô thường.

Chúng ta xem cái giảng đài này, nó đang biến đổi rất chậm, chúng ta không dễ phát hiện được. Một giảng đài mới, nếu để đến vài ngàn, vài vạn năm thì nó

tan biến mất hoặc là trong một điều kiện nào đó nó sẽ biến thành hóa thạch, sau khi biến thành hóa thạch nó vẫn còn tiếp tục biến đổi, đây gọi là **vô thường**, đây gọi là bất trụ.

Tất cả vạn vật ở thế giới Tây Phương là **chân thường,** nó không biến. Chúng ta thấy chỉ có một vật ở nơi đó có thể biến đổi, đó là những đóa hoa sen trong ao thất bảo. Trong mười phương thế giới có một người thật sự phát tâm niệm Phật, muốn cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì trong ao thất bảo sẽ nở ra một đóa hoa sen. Người ấy tâm rất chân thành niệm Phật, niệm rất chuyên cần thì hoa sen này dần dần lớn lên, cho nên các hoa sen này lớn nhỏ khác nhau: có loại một do-tuần, có loại mười do-tuần, có một trăm do-tuần, có một ngàn do-tuần… Đó là công phu niệm Phật cạn sâu khác nhau, màu sắc ánh sáng của hoa khác nhau, chỉ có một thứ này hình như là có sanh có diệt. Nếu niệm được vài năm rồi không niệm nữa, đổi ý đi học Thiền, học Mật thì hoa này liền héo tàn không còn nữa. Lúc chúng ta vãng sanh, A-di-đà Phật cầm hoa sen này đến tiếp dẫn, hoa này là niệm lực của chính mình kết hợp với nguyện lực của A-di-đà Phật mà thành, cho nên mới có hiện tượng này. Còn về thế giới Tây Phương Cực Lạc, các thứ trang nghiêm là do nguyện lực của A-di-đà Phật thành tựu được, cho nên nó là **chân thường,** không có biến hóa. Vậy hoa sen có phải là chân thường không? Nếu tâm niệm Phật của chúng ta không thoái chuyển, tịnh niệm tương kế, khi bạn vừa vãng sanh đến bên ấy thì hoa biến thành chân thường, liên hoa hóa sanh vậy. Cho nên cổ đức nói: "*Cử thể giai thị tối thắng mật mật kiết tường*" (chánh báo và y báo đều tốt đẹp thù thắng).

"*Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác*". Từ nguyện thứ mười tám, thập niệm tất sanh, đến chỗ này là "*văn danh đắc thù thắng lợi ích chi thượng thừa*", lợi ích có được ở đây là thù thắng nhất, chân thật nhất, **liên hoa hóa sanh.**

Xin xem tiếp đoạn thứ mười bốn:

❖ Nguyện thứ hai mươi lăm: **Trời, người lễ kính.**

"***Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh văn ngã danh tự, hoan hỉ tín nhạo, lễ bái quy mạng. Dĩ thanh tịnh tâm tu Bồ-tát hạnh, chư thiên thế nhân, mạc bất trí kính***".

(Khi con thành Phật, chúng sanh khắp mười phương nghe danh hiệu con vui mừng tin ưa, lễ bái quy mạng, đem tâm thanh tịnh tu hạnh Bồ-tát, chư thiên và người đời hết lòng tôn kính).

"*Nhạo*" là ưa thích. Trong chữ "*văn*" nhất định có "*tín*", có "*thọ*". Phía trước đã nói qua với quý vị công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn, biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày là "*lễ bái quy mạng*". Chữ "*lễ bái*" này không nhất định là suốt ngày lễ Phật. Có người lấy phương pháp này để tu hành, mỗi ngày lạy Phật lạy ba ngàn lạy hoặc một ngàn lạy. Không phải yêu cầu mỗi người đều làm như vậy, "*lễ bái*" là trong tâm có "kính". Ta cung kính đối với A-di-đà Phật, niệm niệm không quên, bất luận lúc nào cũng có tâm cung kính đối với Phật, đây gọi là *lễ bái*.

Tuổi trung niên trở lên, đặc biệt là ở trong xã hội hiện nay, việc làm của chúng ta đều là ngồi mà ít cử động, vì thế nên thiếu vận động. Người học Phật chúng ta nếu dùng thời gian này vào những vận động khác thì cũng đáng tiếc, vận động tốt nhất là lạy Phật. Khi chúng ta ngồi lâu thì nên hoạt động, vậy thì chúng ta nhiễu Phật. Nhiễu Phật là đi ra ngoài bách bộ, đi bách bộ mà trong tâm niệm Phật thì cũng như nhiễu Phật ở Niệm Phật Đường. Vẫn còn một phương pháp nữa là lạy Phật, lạy Phật là lối vận động tốt vô cùng. Tâm địa thanh tịnh chân thành, mỗi khớp xương trong thân thể đều vận động, thật là tốt vô cùng, có sự giúp đỡ rất lớn đối với sức khỏe. Vậy thì lạy Phật bao nhiêu lạy? Điều này không có hạn định, bạn có nhiều thì giờ thì lạy nhiều, bạn không có thì giờ thì lạy ít, không sao cả. "*Quy mạng*" tức là nương tựa, toàn tâm toàn lực nương vào A-di-đà Phật, bộ kinh này tức là A-di-đà Phật. Một lòng y theo đạo lý, giáo huấn của kinh điển mà tu học, đây là thật sự *quy mạng*. "*Dĩ thanh tịnh tâm*", thanh tịnh bình đẳng từ bi. "*Tu Bồ-tát hạnh*", Bồ-tát hạnh tức là Tam Học, Lục Độ, tức là tu thiện, tức là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

"*Chư thiên thế nhân, mạc bất trí kính*". Nếu bạn thật sự có thể tu hành như vậy, bất luận bạn đi đến đâu người ta đối với bạn đều rất cung kính, đều rất ủng hộ, đây là sự lợi ích trước mắt mà bạn có được.

❖ Nguyện thứ hai mươi sáu: **Nghe danh hiệu được phước.**

"***Nhược văn ngã danh, thọ chung chi hậu, sanh tôn quý gia, chư căn vô khuyết***".

(Nếu nghe danh hiệu con, sau khi mạng chung được sanh vào nhà tôn quý, các căn đầy đủ).

Đây là người niệm Phật vẫn còn lưu luyến thế gian này, vẫn không xả được để vãng sanh. Vậy thì niệm Phật có lợi ích chăng? Có lợi ích, đời sau sinh vào gia đình tôn quý, vừa sinh ra là hưởng phước, rất có phước báo, cũng khỏe mạnh

sống lâu. Đây là quả báo do niệm Phật trong đời quá khứ, tiếc rằng họ không có phát tâm, không có phát nguyện vãng sanh, nên được quả báo này.

❖ Nguyện thứ hai mươi bảy: **Tu hạnh thù thắng.**

"***Thường tu thù thắng phạm hạnh***".
(Thường tu phạm hạnh thù thắng).

"*Phạm hạnh*" tức là hạnh thanh tịnh. Bởi vì họ thiện căn thâm hậu, họ còn có thể tiếp tục học Phật tu hành. Đây cũng là oai thần bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì, họ không đến nỗi mê mất chính mình, lúc còn ở nhân gian này vẫn còn có thể tiếp tục tu hành. Có lẽ chúng ta thuộc loại này, trong đời quá khứ niệm Phật nhưng không xả bỏ được thế gian này cho nên chưa được vãng sanh, kiếp này lại gặp được Phật pháp, thật rất giống với cảnh giới hiện nay của chúng ta.

Trong chương này, cả ba nguyện đều là nói rõ công đức của **văn danh** (nghe danh hiệu Phật A-di-đà). Căn cơ của chúng sanh không như nhau, tuy nghe danh nhưng tâm cầu nguyện vãng sanh chưa phát. Miệng thì nói vãng sanh mà trong tâm thì không xả được thế gian này, thân bằng quyến thuộc, lo lắng bồn chồn không buông xuống được thì cái tín nguyện này không sâu, trì niệm cũng không chuyên, cho nên đối với đại nguyện tiếp dẫn của Di-đà vẫn còn có một khoảng cách. Do đó họ chưa thể vãng sanh, nhưng họ có được phước báo nhân thiên. Ở đây cho thấy hễ nghe được danh hiệu Di-đà thì bất luận vãng sanh hay không đều được lợi ích. Vì thế chúng ta cần phải hoằng dương danh hiệu này, cũng tức là tuyên truyền, giới thiệu cho tất cả chúng sanh, lợi ích này rất lớn. Chúng ta cần phải làm, bất kể họ có tin hay không, chúng ta đều luôn luôn giữ tâm nguyện giúp đỡ tất cả chúng sanh, khiến họ có cơ hội nghe được danh hiệu của A-di-đà Phật. Nếu có được cơ hội đem kinh điển này giới thiệu cho họ thì công đức này lại càng lớn.

Sau đây là đoạn thứ mười lăm. Từ đoạn thứ mười lăm đến đoạn thứ mười tám, cũng tức là từ nguyện hai mươi tám đến nguyện ba mươi tám, Phật thuyết minh tình trạng sinh hoạt tu học của những người sau khi vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Điều này có quan hệ rất mật thiết đối với chúng ta, bởi vì chúng ta không bao lâu nữa sẽ đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, cho nên trước hết nên biết rõ, [điều này] có sự giúp đỡ rất lớn đối với lòng tin của chúng ta.

❖ Nguyện thứ hai mươi tám: **Nước không có danh từ "bất thiện".**

"***Ngã tác Phật thời, quốc trung vô bất thiện danh***".

(Khi con thành Phật, nước con không có danh từ bất thiện).

Chúng ta thấy hiện nay thế gian này việc bất thiện rất nhiều. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không những không có việc bất thiện mà cái tên bất thiện cũng không nghe đến. Ví dụ như: tham sân si mạn…, chúng ta ở đây thật có việc này, còn ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, cái gì gọi là tham sân si mạn? Không có ai nghe qua. Bạn mới biết được thế giới đó tốt đẹp như thế nào.

❖ Nguyện thứ hai mươi chín: **Trụ Chánh Định Tụ**.

"***Sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả giai đồng nhất tâm trụ ư Định Tụ***".

(Tất cả chúng sanh sanh vào nước con đều nhất tâm trụ vào Chánh Định Tụ).

Câu này thật không thể nghĩ bàn. Thế gian này tại sao lại tạp loạn như vậy? Vì tất cả chúng sanh **tâm** không đồng, **tưởng** không đồng, **niệm** không đồng, cho nên rất phức tạp. Người xem tướng cũng thường nói rằng: "nhân tâm bất đồng, các như kỳ hiện" (lòng người không như nhau nên mỗi người có diện mạo riêng biệt). Tại sao mỗi người chúng ta đều khác nhau? Vì trong tâm chúng ta nghĩ, tư tưởng, kiến giải khác nhau cho nên diện mạo khác nhau. Còn tướng mạo mỗi người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc là giống nhau. Họ vì sao giống nhau? Vì tâm của họ như nhau, tâm gì vậy? Tâm niệm A-di-đà Phật, người người niệm A-di-đà Phật, trong tâm mọi người là A-di-đà Phật, cho nên biến thành thế giới của A-di-đà Phật. Những người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc có cùng diện mạo với A-di-đà Phật, ai ai cũng đều là A-di-đà Phật, "*giai đồng nhất tâm*", điều này quá quan trọng. "*Trụ ư Định Tụ*", chữ "*Định Tụ*" này là Chánh Định Tụ. Trong Phật pháp có nói đến Tam Tụ, Tam Tụ này bao gồm tất cả chúng sanh. Chánh Định Tụ nghĩa là y theo phương pháp này tu hành nhất định thành Phật, phương pháp ấy chính xác, không sai. Loại thứ hai là Tà Định Tụ, bạn y theo phương pháp này tu, bất luận tinh cần đến đâu cũng nhất định không thành tựu thì gọi là Tà Định Tụ. Còn loại thứ ba gọi là Bất Định Tụ, như căn tánh của chúng ta đây gọi là Bất Định Tụ. Nếu gặp được Chánh Định Tụ thì chúng ta thành tựu, còn gặp được Tà Định Tụ thì chúng ta không thành tựu, cho nên chúng ta thuộc về *bất định tánh*.

❖ Nguyện thứ ba mươi: **Vui như Tỳ-kheo dứt sạch các lậu.**

"***Vĩnh ly nhiệt não, tâm đắc thanh lương. Sở thọ khoái lạc do như lậu tận Tỳ-kheo***".

(Vĩnh viễn không còn phiền não, tâm được mát mẻ, hưởng thọ an lạc như Tỳ-kheo lậu tận).

"*Nhiệt não*" tức là phiền não, ở thế giới Tây Phương Cực Lạc vĩnh viễn không có phiền não, tâm địa đều thanh lương tự tại. "*Tâm đắc thanh lương*", họ đối với tất cả pháp không phân biệt, không chấp trước thì tâm địa của họ được thanh lương tự tại, chúng ta nên học tập họ. Sống trong thế gian này chúng ta phải biết đời người rất ngắn tạm, mấy mươi năm nóng lạnh, vừa khảy ngón tay là qua rồi, chúng ta chung sống với người có gì mà phải khó khăn, nên nghĩ thông một chút, đừng nên xem nó là thật, đừng nên so đo mà tự chuốc khổ vào thân, một cái khảy ngón tay là qua mất rồi. Cái mà chúng ta phải tranh thủ đó là thế giới Tây Phương Cực Lạc vĩnh hằng, chân thường, đây gọi là thật sự thông minh, thật sự giác ngộ. Ở thế giới Ta-bà này, chúng ta giống như khách qua đường, ở quán trọ này có tốt, xấu, hà tất phải so đo chứ, ngày mai phải lên đường rồi, không thể xem nó là nhà mình được. **Nhà mình ở Tây Phương, thế giới Tây Phương Cực Lạc mới là căn nhà cố hữu của mình,** nơi này không phải, là nhà ở tạm thời, tốt cũng được, không tốt cũng được. Kẻ kia đối với ta tốt thì rất tốt, đối với ta không tốt cũng rất tốt, thì vô sự rồi. Tâm địa rất thanh lương, rất tự tại thì trải qua tháng ngày rất vui vẻ, một chút phiền não cũng không có. Đây là tâm thật sự được thanh lương.

"*Lậu tận Tỳ-kheo*" là A-la-hán. Chỗ này là tỉ dụ, trên thực tế là siêu việt A-la-hán. A-la-hán tuy là phiền não đã đoạn hết (lậu tận), nhưng trí huệ không viên mãn. Người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không những đã đoạn hết phiền não mà trí huệ đã viên mãn, A-la-hán tuyệt đối không thể sánh kịp.

❖ Nguyện thứ ba mươi mốt: **Không tham chấp thân**.

"***Nhược khởi tưởng niệm tham kế thân giả, bất thủ Chánh Giác***".
(Nếu còn khởi tưởng niệm tham chấp thân, thề không thành Chánh Giác).

Có một số người hoài nghi rằng đến thế giới Tây Phương Cực Lạc rồi có còn ngã chấp, pháp chấp không? Có còn nghĩ đến bản thân nữa không? Chỗ này nói là không có, nhất định là không có. Có bổn nguyện A-di-đà gia trì khiến bạn sẽ không thoái chuyển nữa. Nếu lại còn tham luyến thân tướng này nữa thì đó là chấp trước, là thoái chuyển, nhất định sẽ không thoái chuyển.

Sau đây là đoạn thứ mười sáu:

❖ Nguyện thứ ba mươi hai: **Được Na-la-diên thân**.

"***Ngã tác Phật thời, sanh ngã quốc giả, thiện căn vô lượng, giai đắc Kim Cang Na-la-diên thân, kiên cố chi lực***".

(Khi con thành Phật, chúng sanh sanh vào nước con, được vô lượng căn lành, đều được thân kim cang bất hoại, có sức vững chắc).

"*Thiện căn vô lượng*" là nhân, bởi vì mỗi người đều là niệm Phật, tu thiện, tích đức để đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nếu e thiện căn mà bạn tu tập đó không đủ, A-di-đà Phật có oai thần gia trì bạn, khiến cho tiểu thiện căn đó biến thành đại thiện căn, học các pháp môn khác không thể có được điều này, không có Phật giúp.

Cho nên không sợ mình không có thiện căn, không có phước đức. Chỉ cần thật sự nỗ lực tu học, đây là nhân. Còn quả báo? Là được thân kim cang bất hoại. Chỗ này đặc biệt chỉ ra "*kim cang Na-la-diên thân*". *Na-la-diên,* trong kinh điển không có giải thích ý nghĩa, chỉ nói rõ đây là một danh tự Kim Cang mà thôi. Có lẽ trong tất cả loại Kim Cang, thân thể của họ là kiên cố nhất, cường tráng nhất. Đây là một vị thần Kim Cang dũng mãnh nhất. Danh tự của vị Kim Cang này, nếu chúng ta từ một góc độ khác để nhìn thì ý nghĩa của nó khác nhau. Trong Mật Tông có lễ bái thần Kim Cang. Thần Kim Cang trong Mật Tông rất nhiều, có rất nhiều Minh Vương, đều hiện ra tướng oai vũ, dũng mãnh khiến người thường nhìn đến đều khiếp đảm. Họ hiện những tướng đó không giống như tướng mạo từ bi hiền hòa của những vị Bồ-tát thông thường. Cho nên ở chỗ này, *Kim Cang Na-la-diên* tượng trưng cho sự thành tựu đại viên mãn của Mật Tông, ở đây có Mật Pháp. Nói cách khác, tức là Kim Cang Tát Đỏa, tức là Kim Cang Thủ Bồ-tát. Kim Cang Tát Đỏa tức là hóa thân của Phổ Hiền Bồ-tát, cũng tức là nói Phổ Hiền Bồ-tát là căn bản trong Mật Giáo. Vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc tức là sự thành tựu đại viên mãn trong Mật Tông. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này rồi thì lão thật mà niệm Phật, không cần thiết phải đi học Mật, đây tức là Mật Tông rồi, Mật Pháp chí cao vô thượng, ý nghĩa này rất hay.

❖ Nguyện thứ ba mươi ba: **Được quang minh trí huệ biện tài**.

"***Thân đảnh giai hữu quang minh chiếu diệu, thành tựu nhất thiết trí huệ, hoạch đắc vô biên biện tài***".

(Thân và đảnh đều có hào quang chiếu sáng, thành tựu hết thảy trí huệ, được biện tài không cùng tận).

Vậy mới có năng lực hóa độ chúng sanh. Nói pháp cần phải có biện tài. "*Thân*", thân có quang minh, "*đảnh*" tức là viên quang. Chúng ta vẽ tượng Phật

thì vẽ một vòng ánh sáng, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, trên đảnh Phật có ánh sáng, thân Phật phóng ánh sáng, mỗi người vãng sanh cũng giống như Phật, trên đảnh đều có ánh sáng, trên thân cũng phóng quang, có điều ánh sáng so với ánh sáng của Phật kém hơn một chút, đây là "*quang tuyên diệu pháp*". Ánh sáng cũng là biểu pháp, "pháp" tức là ánh sáng, ánh sáng tức là pháp, không lìa ánh sáng mà nói pháp này, cho nên thành tựu tất cả trí huệ, cái trí huệ viên mãn của tất cả chủng trí. Trí huệ thành tựu rồi thì đương nhiên có được biện tài. Sự vô ngại biện tài của Bồ-tát so với quả địa của Như Lai tương tự nhau.

❖ Nguyện thứ ba mươi bốn: **Khéo nói pháp bí yếu**.

"***Thiện đàm chư pháp bí yếu, thuyết kinh hành đạo, ngữ như chung thanh. Nhược bất nhĩ giả bất thủ Chánh Giác***".

(Khéo nói các pháp bí yếu, thuyết kinh hành đạo, tiếng như chuông vang. Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

Tất cả pháp thế xuất thế gian không có một pháp nào không thông đạt. "*Thiện đàm*" là nói khế cơ, khế lý. "*Thuyết kinh hành đạo*", "*thuyết kinh*" là ngôn giáo, "*hành đạo*" là thân giáo, Ngài đích thật làm gương mẫu cho chúng ta xem, làm gương mẫu gì? Ở trong ngành nghề nào thì làm gương mẫu của ngành nghề đó. Quý vị xem năm mươi ba tham vấn của Thiện Tài Đồng Tử trong Kinh Hoa Nghiêm. Năm mươi ba vị thiện tri thức đều là tu hạnh Phổ Hiền, họ gồm cả nam nữ già trẻ, các ngành các nghề khác nhau. Họ là Bồ-tát đấy. Chúng ta từ chỗ này mà học tập. Cách hành đạo này bao quát vô cùng rộng lớn. Đem trí huệ của bạn, lòng từ bi của bạn, sự tu trì của bạn ứng dụng vào trong sinh hoạt, dùng vào trong sự nghiệp của bạn. Sinh hoạt của bạn, sự nghiệp của bạn là phổ độ chúng sanh. Cho nên trong bất cứ ngành nghề nào đều có Bồ-tát, bất cứ nơi chốn nào đều là đạo tràng hóa độ chúng sanh của Bồ-tát, không nhất định là tự viện. Nếu xem tự viện là đạo tràng duy nhất của Bồ-tát thì bạn đã nhìn sai rồi. Bồ-tát ở trong gia đình, gia đình tức là đạo tràng, Bồ-tát ở trong trường học, trường học tức là đạo tràng. Nơi nơi chỗ chỗ đều là đạo tràng, chỗ phổ độ chúng sanh.

Đoạn thứ mười bảy:

❖ Nguyện thứ ba mươi lăm: **Nhất Sanh Bổ Xứ**.

"***Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, cứu cánh tất chí Nhất Sanh Bổ Xứ***".

(Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh sanh vào nước con quyết chắc rốt ráo đến bậc Nhất Sanh Bổ Xứ).

Nguyện này cũng bảo đảm rõ ràng cho chúng ta. Phía trước Phật có nguyện "*tất thành Chánh Giác*" (người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc tất thành Chánh Giác, nhất định chứng đắc Vô Thượng Bồ-đề), chỗ này nói rõ trong một đời nhất định chứng đắc địa vị Bồ-tát "*Nhất Sanh Bổ Xứ*". "Nhất Sanh Bổ Xứ" tức là *tất thành Chánh Giác*. Đây là nói về thứ hạng. Đẳng Giác Bồ-tát là Hậu Bổ Phật. Mọi người của thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là Bồ-tát, họ là viên giải, viên tu, khác với cách tu học của chúng ta. Các Ngài là "*nhất tu, nhất thiết tu, nhất thiết tu, nhất tu*". Họ là "viên dung". Cho nên "*sanh giai Bất Thoái, đốn siêu giai thứ*" (mọi người đều Bất Thoái, đốn siêu thứ bậc). Bồ-tát ở thế giới phương khác tu hành thì có vị thứ, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, từng đẳng cấp một. Giống như đi học, lớp một, lớp hai, lớp ba dần dần đi lên. Còn ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thì không phải vậy, họ *nhất tu, nhất thiết tu*. Tỉ như nói tiểu học, trong lớp một có khóa trình của lớp hai, cũng có khóa trình của lớp trung học, cũng có khóa trình của đại học, cũng có khóa trình của nghiên cứu sinh, khóa trình của lớp tiến sĩ… Họ nhất tu, nhất thiết tu, cách này thì nhanh, bất luận ở thứ hạng nào thảy đều viên giải, viên hành, phương pháp này cực kỳ tuyệt diệu. Cho nên họ viên chứng *Bổ Xứ*, đều là chứng đắc viên mãn, "*cứu cánh tất chí*". Lối nói này vô cùng khẳng định, khiến chúng ta một tơ hào nghi hoặc cũng không có. Tức là nói sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bạn nhất định thành Phật rất nhanh.

❖ Nguyện thứ ba mươi sáu: **Giáo hóa tùy ý**.

"***Trừ kỳ bổn nguyện vị chúng sanh cố, phi hoằng thệ khải, giáo hóa nhất thiết hữu tình, giai phát tín tâm, tu Bồ-đề hạnh, hành Phổ Hiền đạo***".

(Ngoại trừ những người phát nguyện vì chúng sanh mà mặc giáp hoằng thệ, giáo hóa hết thảy hữu tình đều phát tín tâm, tu hạnh Bồ-đề, hành nguyện Phổ Hiền).

Ở chỗ này chúng ta lại thấy Phổ Hiền đạo, chúng ta phải coi trọng, từ những chỗ này hiểu rõ được thế giới Tây Phương Cực Lạc là pháp giới của Phổ Hiền Bồ-tát. Những người vãng sanh thảy đều tu hạnh Phổ Hiền, như trong phần trước của Kinh này nói: "*Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*".

Nguyện lực của mỗi Bồ-tát khác nhau, có người hy vọng mình mau thành Phật, sau khi thành Phật mới độ chúng sanh, có người cảm thấy chúng sanh quá

khổ, "ta chưa thành Phật, ta phải độ chúng sanh trước". Điều này rất hiếm có. Nguyện này cũng thật đáng quý. Tuy nhiên quý vị nên biết, bạn độ chúng sanh phải có bản lãnh, không có bản lãnh thì nguyện của bạn là nguyện suông.

Tỉ như thấy một người rớt xuống nước, sắp chết đuối, mình phải nhảy xuống cứu họ, nhưng chính mình không biết bơi, vừa nhảy xuống thì uổng mất một mạng người. Muốn cứu kẻ chết chìm kia, trước hết tôi phải học thành một tay bơi có bản lãnh, sau khi học xong rồi tôi mới đi cứu người. Vậy thì được. Hiện nay có rất nhiều người phát tâm tôi rất bội phục, nhưng phiền não của họ vẫn chưa đoạn, họ nhất định sẽ rơi vào luân hồi. Họ nói kiếp sau không muốn vãng sanh, kiếp sau vẫn muốn làm Pháp sư, vẫn muốn giảng kinh thuyết pháp. Kiếp sau chưa chắc được thân người, vừa mới chuyển thế thì mê hoặc điên đảo rồi, kiếp trước đều quên hết sạch. Những hạng người này có nhiệt tâm nhưng trí huệ không đủ. Nhất định phải đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đây là tuyệt đối chính xác. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc rồi, có người hỏi: "Vậy phải chờ bao lâu chúng ta mới có thể rời thế giới Tây Phương Cực Lạc để đi hóa độ chúng sanh?" Chúng ta xem trong Di-đà bổn nguyện, xem trong Kinh Vô Lượng Thọ, Tịnh Độ tam Kinh, đều không có nói phải hạn định ở thế giới Tây Phương Cực Lạc bao lâu. Không có nói thì là dễ làm rồi, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, gặp được A-di-đà Phật, lạy A-di-đà Phật ba lạy rồi nói: "Con muốn đi cứu chúng sanh được chăng?" A-di-đà Phật gật đầu nói: "Được, con có cái nguyện này thì được". Phật sẽ gia trì bạn, bạn sẽ có bản lãnh, về lại thế giới Ta-bà, bạn sẽ không bị thoái chuyển, cũng không bị mê hoặc. Đây mới là người thông minh, mới là phương pháp chính xác. So với việc luân hồi chuyển thế thì thời gian ngắn hơn nhiều. Thấy được A-di-đà Phật thì có thể lập tức trở về.

"*Phi hoằng thệ khải*", chữ "*phi*" này là tỉ dụ, bạn có hoằng nguyện trước độ chúng sanh, sau thành Phật đạo. Tuy nhiên, bạn phải có bản lãnh, A-di-đà Phật gia trì cho bạn, giáo hóa tất cả hữu tình chúng sanh, đều phát tín tâm, đây là giáo hóa tùy ý. Giáo hóa chúng sanh muốn thật sự thu được hiệu quả, việc này không thể không nghiên cứu, giáo hóa như thế nào mới thật sự thu được hiệu quả? Nhất định phải khiến chúng sanh thật sự có tín tâm đối với Tịnh Độ, đối với Di-đà, phải thật sự chịu tu hành, chịu phát nguyện, chịu cầu sanh Tịnh Độ. Bồ-tát đi giới thiệu, giảng kinh, nói pháp là hoằng nguyện của riêng Bồ-tát. A-di-đà Phật, thật sự mà nói, Phật cũng gia trì người nghe, nếu Phật không gia trì thì bạn nghe kinh làm sao sinh được tâm hoan hỉ? Quý vị nhất định phải biết bạn nghe pháp môn này rất hoan hỉ, rất bằng lòng, không phải tôi giảng hay, không liên quan đến

những gì tôi giảng, mà là oai thần bổn nguyện của Di-đà đang gia trì cho bạn. Cho nên bạn nghe được rất minh bạch, so với tôi giảng còn hiểu rõ hơn, tôi còn chưa giảng rõ thì bạn đã nghe rõ ràng rồi. Đây là Phật lực gia trì, cho nên bạn có thể sanh được tâm hoan hỉ, thật một chút cũng không sai. Cho nên những người nghe kinh này được viên mãn, họ chuyên niệm lục độ, thập độ, đang tu Bồ-đề hạnh, hành đạo Phổ Hiền thì đó là đang tu Mười Đại Nguyện Vương của Phổ Hiền Bồ-tát, đây là sự tu hành đạt đến khoa mục tối cao.

"***Tuy sanh tha phương thế giới, vĩnh ly ác thú***".

(Tuy sanh vào thế giới khác, hằng lìa ác đạo).

Tức là bất luận bạn đến thế giới nào để thuyết pháp, hoàn cảnh của thế giới ấy dù có tệ hơn, bạn cũng không bị đọa lạc. Đây đều là Phật phù hộ cho bạn, A-di-đà Phật gia trì, chiếu cố bạn, bạn sẽ không bị đọa lạc.

"***Hoặc nhạo thuyết pháp, hoặc nhạo thính pháp, hoặc hiện thần túc, tùy ý tu tập, vô bất viên mãn. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Hoặc thích thuyết pháp, nghe pháp, hay hiện thần túc, tùy ý tu tập, thảy đều viên mãn. Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

Đây là nêu ra vài thí dụ. Bồ-tát từ thế giới Cực Lạc tái lai thị hiện hoặc là thích giảng kinh thuyết pháp, hoặc là thích nghe pháp. Nghe pháp cũng là Bồ-tát, làm ảnh hưởng mọi người. Người này ở trong xã hội nhất định có thân phận, rất có địa vị, rất có đạo đức, được mọi người kính ngưỡng. Mỗi buổi Pháp sư thuyết pháp, họ đều đến nghe, khiến cho kẻ khác nhìn thấy Pháp sư này giảng có lẽ cũng hay, người kia đều đến nghe mỗi ngày, nghe rất chú tâm…, làm ảnh hưởng người khác. Những ảnh hưởng chúng này đều là Bồ-tát hóa thân, điều này không phải dễ.

Tôi trước đây giảng kinh tại Đài Bắc, thầy của tôi là lão cư sĩ Chu Bang Đạo, ông là thầy tại gia của tôi. Trong thời kỳ kháng chiến, tôi học ở Quý Châu, ông là hiệu trưởng của tôi. Sau khi đến Đài Loan tôi học Phật, thường giảng kinh ở bên ngoài. Ông mỗi ngày đều đến nghe, lại còn ngồi ở hàng đầu. Mỗi lần nghe, ông còn viết bút ký, có vẻ rất dụng công. Chúng tôi nhìn thấy thật rất tôn kính ông, còn thầy Lý thì sao? Thường nêu ông lên như một tấm gương, nói: "Lão tiên sinh này có đạo đức, có học vấn, cũng đã làm không ít sự nghiệp. Tuổi tác đã lớn như vậy, nghe kinh vẫn còn hết lòng như thế". Không kể người nào giảng kinh, người sơ học đến giảng kinh ông cũng hết lòng nghe, ông cũng ghi chép lại, không biết

ông ghi những gì. Mãi cho đến năm chín mươi mấy tuổi mới vãng sanh, thật hiếm có! Đây là làm ảnh hưởng mọi người, ưa thích nghe pháp.

"*Hoặc hiện thần túc*", chữ "thần túc" này tức là thị hiện thần thông biến hiện tự tại. Tuy nhiên thảy đều là vì làm ảnh hưởng tiếp dẫn tất cả chúng sanh tin sâu Tịnh Độ, phát nguyện cầu sanh, vậy thì đúng. Nếu thị hiện thần thông, bảo bạn đừng niệm A-di-đà Phật, thì tuyệt đối không phải, đó là ma thị hiện. Nếu Bồ-tát ở thế giới Tây Phương đến thị hiện, nhất định là khuyên bạn tin sâu không nghi pháp môn Tịnh Độ, niệm Phật cầu sanh. Điều này vừa nhìn, tương ưng với chỗ nói trong kinh. Chúng ta biết được đây là Bồ-tát Tây Phương tái lai. "*Tùy ý tu tập*", tất cả đều vì độ chúng sanh, đều vì thành tựu tất cả chúng sanh, tiếp nhận sự dạy bảo của A-di-đà Phật và chư Phật, đều ưa thích phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Đoạn thứ mười tám:

❖ Nguyện thứ ba mươi bảy: **Y, thực tự đến.**

"***Ngã tác Phật thời, sanh ngã quốc giả, sở tu ẩm thực, y phục, chủng chủng cúng cụ, tùy ý tức chí, vô bất mãn nguyện***".

(Khi con thành Phật, chúng sanh sanh vào nước con, nếu muốn ăn uống, y phục, các loại cúng dường, tùy ý liền đến, đều được mãn nguyện).

Nguyện này đối với lục đạo chúng sanh của mười phương thế giới có quan hệ rất lớn. Thiên đạo có phước báo lớn, cuộc sống vật chất không cần bận tâm. Tuy nhiên từ cõi người trở xuống, cuộc sống đều rất gian nan, mưu sinh không dễ. Cổ đức thường nói: "*Pháp luân vị chuyển thực luân tiên*" (chuyển bánh xe ẩm thực trước rồi mới chuyển bánh xe Pháp được), chúng ta trước hết phải "ăn cho no, mặc cho ấm" mới có thể nói đến học Phật. Nếu ba bữa cơm đều ăn không no thì còn tâm tư nào mà học Phật chứ! Có thể thấy chúng ta rất xem nặng đời sống vật chất. Phật ở chỗ này vì chúng ta mà giới thiệu cuộc sống vật chất ở thế giới Tây Phương, "*tùy ý tức chí*", không cần bận tâm, không cần tạo tác. "*Y thực*", nhất là việc ăn uống, những người vừa đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, tập khí này vẫn chưa quên, đến giờ ăn cứ nghĩ: "Sao lâu vậy mà không ăn cơm?" Kỳ thật, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì không cần ăn cơm nữa. Cái niệm ấy vừa khởi thì cơm nước đã bày ngay trước mặt, không cần phải làm mà có đến cả trăm thứ thức ăn đồ uống. Thức ăn thì giống như hoàng đế trước kia ăn cơm, phải có một trăm món ăn. Trăm món ăn đều hiện tiền, vừa hiện tiền thì liền nghĩ ta bây giờ không còn là phàm phu nữa, không cần nữa. Nhìn thấy thì đánh thức mình,

không cần nữa, không cần thì không có nữa, cũng không cần thu dọn, rửa chén dĩa phiền phức, tùy niệm hóa sanh. Bạn mới biết sự tốt đẹp của thế giới Tây Phương thật sự là không thể nghĩ bàn. Cung điện nơi cư trú sạch sẽ, một hạt bụi cũng không có, thảnh thơi sảng khoái, một chút rác cũng không có. Khi có khách đến thăm thì chỗ ngồi lập tức hiện ra, khách đi rồi thì không còn nữa, không cần thu dọn. "*Tùy tâm sở dục*" (tùy tâm mong muốn), tất cả đều là biến hóa ra. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, mọi người đều có thần thông này, năng lực thần thông này là nguyện lực gia trì của A-di-đà Phật.

❖ Nguyện thứ ba mươi tám: **Ứng niệm thọ cúng.**

"***Thập phương chư Phật, ứng niệm thọ kỳ cúng dường. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Mười phương chư Phật ứng niệm thọ nhận các thứ cúng dường của người ấy. Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

Việc cúng Phật đối với người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc là việc trọng yếu trong sinh hoạt hằng ngày. Người ở thế giới Tây Phương không cần phải đi làm, mọi thứ sinh hoạt vô cùng tự tại. Vàng bạc tiền của muốn có bao nhiêu thì có bấy nhiêu, đều hiện ra không cùng tận, cho nên đời sống vật chất phong phú, điều này thì mười phương thế giới không có. Bởi vì mọi thứ đều là tùy niệm mà biến hóa nên chẳng cần thứ gì cả, muốn thứ nào lập tức có thứ đó, không cần bày ra chất đống to ở đó cho phiền phức, mà là tùy niệm tùy tâm mà được. Việc cúng Phật cũng như vậy, trong tâm muốn cúng vị Phật nào thì Phật cảm ứng đạo giao, thì Ngài tiếp nhận sự cúng dường của bạn, cúng Phật là tu đại phước báo. Cúng Phật thì nhất định được nghe pháp, nghe pháp thì thành tựu đại trí huệ. Ở đây chúng ta thấy được từng chi tiết nhỏ về tình trạng sinh hoạt của những người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, từ những điều nhỏ này thì bạn thấy sinh hoạt của họ tự tại biết bao! Mỗi ngày đều là nghe pháp, cúng Phật, đi hóa độ chúng sanh có duyên. Phạm vi hoạt động là tận hư không khắp pháp giới, muốn đến nơi nào thì ứng niệm liền đến ngay, vì mỗi người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đều có thần túc thông. Thần túc thông thì có thể phân thân biến hóa giống như Phật, "*thiên bá ức hóa thân, sở hóa chi thân, tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng*" (trăm ngàn ức hóa thân, những hóa thân ấy tùy theo tâm của chúng sanh mà ứng hiện ra). Phật trong kinh Lăng-nghiêm nói câu này chính là tùy loại hóa thân, tức là chúng sanh nghĩ đến thân hình như thế nào thì họ hiện thân hình như thế đó, giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ-tát, đây là được đại tự tại.

Đoạn thứ mười chín:

❖ Nguyện thứ ba mươi chín: **Trang nghiêm vô lượng**.

"***Ngã tác Phật thời, quốc trung vạn vật, nghiêm tịnh, quang lệ, hình sắc thù đặc, cùng vi cực diệu, vô năng xứng lượng***".

(Khi con thành Phật, vạn vật trong cõi nước con đều trang nghiêm thanh tịnh, sáng chói, xinh đẹp, hình sắc đặc biệt thù thắng, vi diệu cùng cực, không thể tả xiết).

Từ đoạn này đến hết đoạn hai mươi hai là nói tình trạng hoàn cảnh của thế giới Tây Phương. Không thể diễn tả cặn kẽ trạng huống hoàn cảnh này, giới thiệu sơ lược một hai việc thì bạn có thể nhân đó mà suy ra cái đẹp của hoàn cảnh bên ấy. "*Quốc trung vạn vật*", đây là tổng thuyết, tất cả vạn vật đều trang nghiêm thanh tịnh, bởi vì thể của tất cả vạn vật đều do trân bảo làm thành.

Thế giới Tây Phương so với trái đất của chúng ta không biết lớn hơn bao nhiêu lần. Trái đất của chúng ta là đất cát sỏi đá, mặt đất không sạch, mặt đất ở thế giới Tây Phương bằng lưu ly, lưu ly là gì? Chúng ta gọi là ngọc phỉ thúy, rất là quý báu, người ta gắn lên một chút thương hiệu hoặc gắn vào nhẫn để đeo trên tay, vậy vật này là gì? Là đại địa của thế giới Tây Phương Cực Lạc, đại địa ở đó là lưu ly trong suốt, từ trên mặt đất có thể nhìn thấu dưới đáy. Ngọc ở nơi đó so với ngọc thạch của chúng ta thì đẹp hơn rất nhiều. Ngọc thạch của chúng ta chỉ là trong suốt một nửa, không phải toàn trong suốt, ngọc của thế giới Tây Phương là toàn trong suốt.

Từ trong kinh chúng ta thấy được, vàng dùng để làm gì? Là để lót đường, vàng dùng để lát đường như nhựa đường ở đây của chúng ta. Ở đây chúng ta đeo trên thân mình châu báu rực rỡ, còn người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thấy đó là thô thiển không chịu nổi. Cho nên trang nghiêm thanh tịnh đều là trân bảo, "*quang lệ*" là quang minh, mỹ lệ, đây là quang minh hoa lệ, hình sắc thù đặc không phải thế gian có được. Ở thế gian này của chúng ta không thấy được, ở bên đó của họ đều có. "*Cùng vi cực diệu*", bởi vì là tánh đức trong chân như bản tánh biến hiện ra. "*Vô năng xứng lượng*", chữ "*lượng*" này nghĩa là gì? Số lượng, chủng loại rất nhiều, không có cách nào nói cho hết được.

"***Kỳ chư chúng sanh tuy cụ thiên nhãn, hữu năng biện kỳ hình sắc quang tướng, danh số, cập tổng tuyên thuyết giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Chúng sanh nào dù có thiên nhãn mà có thể phân biệt được hình trạng, màu sắc, tướng trạng hào quang, danh tự, số lượng và nói tổng quát được những sự trang nghiêm ấy thì con không thành Chánh Giác).

Bồ-tát của thế giới Tây Phương Cực Lạc rất nhiều, được sự gia trì của A-di-đà Phật, họ có biết không? Họ cũng không biết. Nếu bạn hỏi họ có bao nhiêu chủng loại? Họ không nói được. Hỏi họ có bao nhiêu số lượng? Họ cũng nói không được. Chỉ có Phật với Phật mới có thể biết rốt ráo, từ Đẳng Giác Bồ-tát trở xuống đều không có cách nào nói được. Đây là nói tổng quát về vẻ đẹp thù thắng và hoàn cảnh vật chất của thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Đoạn thứ hai mươi:

❖ Nguyện thứ bốn mươi: **Cây vô lượng sắc**.

"***Ngã tác Phật thời, quốc trung vô lượng sắc thụ, cao hoặc bá thiên do-tuần. Đạo tràng thụ cao tứ bá vạn lý. Chư Bồ-tát trung, tuy hữu thiện căn liệt giả, diệc năng liễu tri***".

(Khi con thành Phật, cây trong cõi nước con có vô lượng sắc, cao trăm ngàn do-tuần. Cây Đạo tràng cao bốn trăm vạn dặm. Trong các Bồ-tát, dù người thiện căn kém cỏi cũng có thể biết rõ).

Đây là trong tất cả tướng này nêu ra một thí dụ. Trong sự tưởng tượng của chúng ta, có lẽ tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới đều ưa thích cây cối hoa cỏ, cho nên Phật ở chỗ này nêu ra một thí dụ. "*Vô lượng sắc*", cho thấy các cây cối đẹp quá, "*cao hoặc bá thiên do-tuần*", các cây cao đến trăm ngàn do-tuần. Do-tuần là đơn vị chiều dài của Ấn Độ thời xưa, do-tuần có lớn vừa nhỏ. Đại do-tuần theo cách ghi chép ngày xưa là tám mươi dặm của Trung Quốc, trung do-tuần là sáu mươi dặm, tiểu do-tuần là bốn mươi dặm. Tám mươi dặm thời xưa so với tám mươi dặm ngày nay thì ngắn hơn, đó là vì thước đo lường thời xưa ngắn hơn thước đo lường ngày nay.

Quý vị đọc trong "Luật Học Tam Thập Tam Chủng" của Hoằng Nhất Đại Sư có một thiên Chu Xích Khảo, trong đó khảo sát về thước đời Chu: một thước lúc ấy đại khái bằng sáu tấc thước hiện thời (thị xích) (tức là chừng 18cm). Cho nên trong kinh ghi chép, người thời xưa thân cao trượng hai, chúng ta thời nay cho là người khổng lồ, hiện nay đều không thấy nữa, kỳ thật là một trăm chín mươi mấy cen-ti-met, đó là trượng hai thời đó. Chúng ta hiểu rõ chân tướng này thì biết ngay, không cảm thấy lạ lùng nữa.

Tuy nhiên, bất luận ngắn thế nào, trăm ngàn do-tuần thì cao vô cùng. Chiếu theo con số này mà nói, nếu cây này mà ở trên trái đất của chúng ta thì ngọn cây có thể đụng đến mặt trăng rồi. Tại sao có cây cao như vậy? Vì người Tây Phương Cực Lạc cao lớn, chúng ta đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì người ta xem mình như là loài kiến, rất là nhỏ, đây là do chúng ta không có phước báo. Trong kệ tán Phật, chúng ta tán thán A-di-đà Phật:

"***Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu-di,***
Cám mục trừng thanh tứ đại hải."

(Lông mày trắng của Đức Phật A-di-đà tỏa ánh sáng soi tỏ khắp một khu vực rộng lớn bằng năm ngọn núi Tu-di. Đôi mắt xanh biếc của Ngài thì trong ngần và lớn bằng bốn biển lớn.)

Tướng Phật lớn như vậy, thân tướng mỗi người bằng với A-di-đà Phật, đều là tướng lớn như thế đó. Cây cối của chúng ta, dù có cao đi nữa, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì quá nhỏ không nhìn thấy, nhất định phải lớn như vậy mới có thể tương xứng.

Cây ở đạo tràng thì càng trang nghiêm, "*đạo tràng thụ cao tứ bá vạn lý*". Đạo tràng là nơi Phật giảng Kinh thuyết pháp, mà nơi Phật giảng kinh thuyết Pháp rất nhiều, nơi nơi đều có hóa thân của Phật, vậy có lẽ đây là nói nơi báo thân Phật thuyết Pháp. Tuy nhiên ở thế giới Tây Phương pháp thân, báo thân, ứng hóa thân đều hợp tại một nơi, đều là dung thông cả, tứ độ cũng ở một nơi. Vậy đây là nói rõ từ khắp nơi đều có thể trông thấy được cái cây nơi Đức Phật thuyết pháp. "*Chư Bồ-tát trung, tuy hữu thiện căn liệt giả, diệc năng liễu tri*", bởi vì sao? Chúng ta chỉ biết được một vài loại, như ở trên địa cầu này, thực vật, động vật có bao nhiêu loại? Chúng ta không biết rõ. Cây cối thì đại khái chúng ta có thể chỉ nói ra một vài loại, tình tình là tương tự như thế. Điều tiếp theo thì càng thù thắng không thể nghĩ bàn.

❖ Nguyện thứ bốn mươi mốt: **Cây hiện cõi Phật**.

"***Dục kiến chư Phật tịnh quốc trang nghiêm, tất ư bảo thụ gian kiến, do như minh kính, đổ kỳ diện tượng. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Muốn thấy sự trang nghiêm nơi Tịnh Độ của chư Phật thì đều thấy rõ nơi thân cây ấy, như thấy rõ mặt mình ở trong gương sáng. Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

Điều này thật là hy hữu. Nếu chúng ta muốn thấy thế giới phương khác, tỉ như nói chúng ta sanh đến thế giới Cực Lạc, chúng ta rất tưởng nhớ trái đất này, mới vừa rời khỏi chỗ này, không biết tình trạng ra sao? Thì tướng đó hiện ra giống như trên truyền hình. Giữa những hàng cây liền hiện ra tướng. Chúng ta hiện nay xem truyền hình là bằng phẳng, còn tướng bên kia là lập thể, thấy được rõ ràng minh bạch, không cần dùng thiên nhãn, cái tướng bên ấy hiện ra trước mặt. Điều này thù thắng biết bao! Tất cả thế giới của chư Phật trong mười phương, muốn xem chỗ nào thì tướng liền hiện ra, công đức của cây không thể nghĩ bàn!

Đoạn thứ hai mươi mốt:

❖ Nguyện thứ bốn mươi hai: **Chiếu khắp mười phương**.

"***Ngã tác Phật thời, sở cư Phật sát, quảng bác nghiêm tịnh.***"
(Khi con thành Phật, cõi nước con ở rộng lớn nghiêm tịnh).

"*Quảng*" là quảng đại, rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh.

"***Quang oánh như kính.***"
(Sáng chói như gương).

Bởi vì thế giới này đều là vô lượng bảo khiết tịnh không nhiễm bụi trần, "bảo" đều phóng quang, cho nên thế giới này là thế giới quang minh.

"***Triệt chiếu thập phương vô lượng vô số bất khả tư nghị chư Phật thế giới.***"
(Chiếu khắp mười phương vô lượng vô số không thể nghĩ bàn thế giới của chư Phật).

Không chỉ là Phật quang chiếu khắp tất cả thế giới mà thế giới Tây Phương cũng phóng quang, ánh sáng của nó cũng chiếu khắp tất cả thế giới của chư Phật.

"***Chúng sanh đổ giả, sanh hy hữu tâm.***"
(Chúng sanh thấy rồi sanh tâm hy hữu).

Chúng sanh nếu nhìn thấy được, sự thấy được này hoặc là do thiên nhãn mà thấy được, hoặc là trong định mà thấy được, hoặc là có nhân duyên đặc biệt cảm ứng mà thấy được, thấy được Phật quang, thấy được ánh sáng của thế giới Tây Phương. Họ nhất định sanh khởi tâm hy hữu ngưỡng mộ.

"***Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.***"
(Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

Đoạn thứ hai mươi hai:

❖ Nguyện thứ bốn mươi ba: **Hương báu xông khắp**.

"***Ngã tác Phật thời, hạ tùng địa tế, thượng chí hư không***"
(Khi con thành Phật, dưới từ mặt đất, trên đến hư không).

"*Địa tế*" là mặt đất, đến tận "*hư không*", đây là nói cái gì? Các thứ trang nghiêm ở mặt đất và trên không trung.

"***Cung điện, lâu quán, trì lưu, hoa thụ.***"
(Cung điện, lâu đài, ao nước, hoa cây).

Chỗ này cần nói rõ chữ "*cung điện*". Không thể hình dung đến hình dáng cung điện của Trung Quốc, nếu bạn nghĩ đến hình dáng này thì là sai rồi. Phật nói kinh này là ba ngàn năm về trước tại Ấn Độ, cung điện của Ấn Độ lúc bấy giờ hoàn toàn không giống với cung điện của Trung Quốc. Cho nên vừa nói đến cung điện liền nghĩ đến mái nhà uốn cong, vậy là sai rồi. Bạn phải biết cái gì gọi là "*cung điện*"? "*Cung*" tức là nhà của tư nhân, còn "*điện*" là nơi để mọi người tụ hội giảng kinh, nói pháp và làm việc. Vậy ở chỗ này bạn biết được tất cả chúng sanh mười phương đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, nơi mà chính họ ở, họ ưa thích hình dáng ra sao thì biến ra hình dáng như vậy, không phải là hoàn toàn giống nhau. Mỗi người có ưa thích khác nhau, thích kiểu gì thì là kiểu đó. Còn nơi mọi người tụ hội thì sao? Cũng không hoàn toàn giống nhau. "*Lâu quán*", "*lâu*", hai tầng trở lên gọi là lầu. "*Trì lưu*", đây là nói ao bảy báu, "*hoa thụ*" là cây báu.

"***Quốc độ sở hữu nhất thiết vạn vật, giai dĩ vô lượng bảo hương hợp thành.***"
(Tất cả vạn vật trong nước đều do vô lượng bảo hương hợp thành).

Thật sự mà nói, đây là hương báu vốn sẵn có của tánh đức, là hương báu vốn sẵn có trong chân như bản tánh, không phải đến từ bên ngoài, cho nên tất cả vạn vật không có một thứ nào không tỏa hương.

"***Kỳ hương phổ huân, thập phương thế giới.***"
(Hương ấy xông khắp mười phương thế giới).

Những người được định, những người được thần thông đều ngửi được, người không có định, không có thần thông, nếu có nhân duyên đặc biệt cảm ứng cũng có thể ngửi được. Tôi nghĩ trong những đồng tu chúng ta, lúc niệm Phật hoặc tịnh

tọa, lúc có cảm ứng có thể ngửi mùi hương kỳ lạ này. Loại hương này không có ở nhân gian, từ trước đến giờ chưa từng ngửi qua, tôi tin rằng nhất định có một số đồng tu có kinh nghiệm này. Tôi từng có kinh nghiệm này. Tôi còn nghe nói ở hội Phật giáo ở Dallas có vài đồng tu, ban đêm hóng mát ở trong sân, đang thảo luận Phật pháp, bỗng nhiên có một luồng hương thơm rất nồng, thời gian cũng rất dài, đại khái ba bốn phút, mùi hương lạ này chưa từng ngửi qua. Sau này họ đến hỏi tôi, không phải một người mà có đến năm sáu người đều ngửi thấy. Có thể thấy đây không phải là giả, đều là thuộc về loại này, là nhân duyên đặc biệt, Phật lực gia trì làm tăng trưởng lòng tin của bạn, cho nên thật sự là mùi hương vạn đức của pháp giới.

"***Chúng sanh văn giả, giai tu Phật hạnh.***"
(Chúng sanh ngửi được đều tu Phật hạnh).

Người ngửi được mùi hương ấy có loại cảm ứng này, họ có thể tăng trưởng tín tâm, nguyện tâm có thể thêm sức mạnh, điều này vô cùng khó có được.

"***Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.***"
(Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

Hai nguyện nói trên là *hương quang trang nghiêm*, Phật lấy hương quang phổ nhiếp mười pháp giới chúng sanh, giới thiệu hoàn cảnh sinh hoạt của mọi người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Trong hai đoạn cuối cùng, A-di-đà Phật vô cùng từ bi, đặc biệt vì Bồ-tát phương khác mà phát nguyện. Bồ-tát phương khác cũng nghe đến danh hiệu của A-di-đà Phật, vô cùng tôn kính, vô cùng hoan hỉ, cung kính tán thán. Tuy họ không phát tâm sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, A-di-đà Phật cũng gia trì cho họ, tại vì sao? Bởi vì họ tuyên dương Tịnh Độ, khuyên mọi người vãng sanh, Phật cũng gia trì họ.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!